TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2024
V/v Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Bích.

2. Bà Trần Thị Như Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09/01/2024. Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Kim Hồng L**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Tổ 4, ấp Ba Trại, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang; (có mặt).

- *Bị đơn:* A **Phạm Tiến Đ**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Tổ 7, ấp Hòn Trẹm, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Trần Kim Hồng L trình bày và yêu cầu như sau:

Vợ chồng chúng tôi chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng đến ngày 15/01/2013 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện K cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do A Đ chơi cờ bạc nợ nần, không lo làm ăn, bỏ bê gia đình vợ con, tôi phải tự lo kiếm sống nuôi con, tôi có khuyên nhủ rất nhiều lần nhưng A Đ tính nào tật nấy không thay đổi chuyện ham mê cờ bạc, từ đó chúng tôi đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Tôi nhận thấy không còn tình cảm, không thể hàn gắn, không thể chung sống được nữa nên tôi cương quyết xin được ly hôn với A Đ.

Về con chung: Có có 01 người con chung tên Phạm Hồng A, sinh năm 2013, giới tính nữ. Tôi xin nuôi con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu A Đ cấp dưỡng.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có.

- Tại bản tự khai A Phạm Tiến Đ trình bày:

Quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị L trình bày là đúng. Việc chị L cho rằng A đam mê cờ bạc bỏ bê vợ con không lo là không đúng.

A Đ không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ, bản thân A cho rằng nếu cha mẹ ly hôn thì khi bé lớn lên sẽ tự ti với mọi người. Còn việc chị L muốn đơn phương ly hôn là quyền của cô ấy, A Đ không quan tâm. Sau này nếu chị L có được chấp nhận cho đơn phương ly hôn để tiếp tục hạnh phúc mới thì bản thân A sẽ chấp hành mọi phán quyết của Tòa án. Còn về phần con chung thì A Đ không trA giành nuôi dưỡng vào thời điểm hiện tại. A chỉ có ý kiến là khi nào chị L bước thêm bước nữa thì xin giao lại con cho A nuôi dưỡng. Hiện tại do đặc thù công việc nên A xin vắng mặt, không thể đến tòa được.

Theo biên bản xác minh tại ấp Hòn Trẹm, xã A cho biết: A Phạm Tiến Đ sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Hiện tại 02 vợ chồng không còn sống chung vì chị L đã bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay. Vợ chồng A Đ, chị L từ trước đến nay không có đến ấp yêu cầu giải quyết việc hôn nhân nên địa phương cũng không nắm được sự việc mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của A, chị.

Theo biên bản xác minh chị Nguyễn Thị Mịn cho biết: Chị Mịn là hàng xóm sống sát nhà của vợ chồng A Đ, chị L. Quá trình chung sống thì thấy vợ chồng có cãi nhau, hiện vợ chồng đã không còn sống chung do chị L đã bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay.

Ý kiến của cháu Phạm Hồng A: Sau khi cha mẹ ly hôn thì cháu A có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với A Đ. Ghi nhận sự việc A Đ đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng. Chị L phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án trA chấp về việc "Ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn A Phạm Tiến Đ, có nơi cư trú tại ấp Hòn Trẹm, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân và con chung của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với A Phạm Tiến Đ có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Kim Hồng L và A Phạm Tiến Đ có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/01/2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy chị L có yêu cầu ly hôn nhưng A Đ không đồng ý vì cho rằng trong cuộc sống hôn nhân không có mâu thuẫn gì lớn. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng trở về sống đoàn tụ nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, chị L khẳng định không thể hàn gắn với A Đ, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Tuy A Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không như chị L trình bày nhưng A cũng xác nhận vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm lo cho nhau, không muốn ly hôn là vì con còn nhỏ. Tuy A Đ không muốn ly hôn nhưng xét thấy hôn nhân của A, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định*: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trong quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được"*. Từ những căn cứ nêu trên xét nên cho chị L được ly hôn với A Đ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu tên Phạm Hồng A, sinh năm 2013. Xét thấy chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, A Đ đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng, mặt khác yêu cầu xin nuôi con của chị L cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu A, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị L có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Kim Hồng L được ly hôn với A Phạm Tiến Đ.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Hồng A cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị L không yêu cầu A Đ cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Bảo đảm cho A Đ quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở A Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Trần Kim Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0001806 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên chị L không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. A Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã A;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Pho